



**Tổng Công ty Cổ phần
Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thông tin về Tổng Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp Số**

0300583659

ngày 29 tháng 2 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty (“GCNĐKDN”) đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300583659 ngày 22 tháng 12 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Pramoad Phornprapha	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vỹ	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên
Bà Trần Kim Nga	Thành viên
Ông Lê Thanh Tuấn	Thành viên
Bà Ngô Minh Châu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Tan Teck Chuan Lester	Tổng Giám đốc
Ông Koo Liang Kwee	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lee Chio Lim Larry	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 27 tháng 6 năm 2024)
Bà Lim Pei Chi Patsy	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 27 tháng 6 năm 2024)
Ông Ng Kuan Ngee Melvyn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lâm Du An	Phó Tổng Giám đốc
	Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh
Bà Teoh Kim Wei	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 3 năm 2024)

Ủy ban Kiểm toán

Ông Pramoad Phornprapha	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Ông Nguyễn Tiến Vỹ	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên

Người đại diện theo Pháp luật

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Tan Teck Chuan Lester	Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh
Phường 12, Quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 61 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tan Teck Chuan Lester
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2024



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 61.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-01-00493-24-1



Triều Tích Quyền

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nelson Rodriguez Casihan

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2225-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2024



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		24.681.328.896.946	24.115.296.003.502
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	4.382.924.202.196	3.197.402.607.546
Tiền	111		430.924.202.196	329.804.607.546
Các khoản tương đương tiền	112		3.952.000.000.000	2.867.598.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.005.000.000.000	16.730.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	16.005.000.000.000	16.730.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.205.435.115.407	3.011.383.696.374
Phải thu của khách hàng	131	10	1.592.055.192.911	1.672.553.205.928
Trả trước cho người bán	132		3.963.752.228	21.200.293.397
Phải thu về cho vay	135	11	437.475.682.192	437.475.682.192
Phải thu ngắn hạn khác	136	12(a)	1.449.171.221.619	1.157.385.248.400
Dự phòng phải thu khó đòi	137	13	(277.230.733.543)	(277.230.733.543)
Hàng tồn kho	140	14(a)	958.068.440.535	1.016.173.991.242
Hàng tồn kho	141		978.942.400.350	1.038.325.359.355
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(20.873.959.815)	(22.151.368.113)
Tài sản ngắn hạn khác	150		129.901.138.808	160.335.708.340
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	121.583.731.870	125.826.272.256
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	22.319.076.524
Thuế phải thu Nhà nước	153	22(b)	8.317.406.938	12.190.359.560

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		5.338.956.247.443	5.413.501.415.256
Các khoản phải thu dài hạn	210		341.021.065.559	341.151.085.559
Phải thu dài hạn khác	216	12(b)	341.021.065.559	341.151.085.559
Tài sản cố định	220		1.137.419.376.708	1.139.363.639.920
Tài sản cố định hữu hình	221	16	264.807.466.048	294.661.100.524
Nguyên giá	222		3.639.435.779.726	3.627.024.048.648
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.374.628.313.678)	(3.332.362.948.124)
Tài sản cố định vô hình	227	17	872.611.910.660	844.702.539.396
Nguyên giá	228		1.019.215.900.161	981.318.152.970
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(146.603.989.501)	(136.615.613.574)
Bất động sản đầu tư	230	18	43.875.222.414	48.080.797.938
Nguyên giá	231		112.364.600.461	112.364.600.461
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(68.489.378.047)	(64.283.802.523)
Tài sản dở dang dài hạn	240		79.402.929.606	96.307.399.286
Xây dựng cơ bản dở dang	242	19	79.402.929.606	96.307.399.286
Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.560.352.230.722	3.564.574.597.515
Đầu tư vào các công ty con	251	9(b)	3.039.072.394.329	3.039.072.394.329
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	252	9(b)	613.705.350.635	613.705.350.635
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	9(b)	569.372.362.407	569.372.362.407
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	9(b)	(661.797.876.649)	(657.575.509.856)
Tài sản dài hạn khác	260		176.885.422.434	224.023.895.038
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	69.582.056.007	65.689.901.756
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	20	86.766.988.102	136.864.410.350
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	14(b)	20.536.378.325	21.469.582.932
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		30.020.285.144.389	29.528.797.418.758

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		8.544.233.062.048	7.935.170.566.006
Nợ ngắn hạn	310		8.451.336.220.789	7.848.003.546.758
Phải trả người bán	311	21	3.557.281.559.956	4.307.947.329.896
Người mua trả tiền trước	312		21.291.619.495	19.964.720.060
Thuế phải nộp Nhà nước	313	22(a)	473.049.631.127	426.737.847.446
Phải trả người lao động	314		16.153.049.519	46.928.695.916
Chi phí phải trả	315	23	1.001.446.175.291	278.194.173.198
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		9.999.998	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	24(a)	3.347.085.588.369	2.714.875.683.208
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	35.018.597.034	53.355.097.034
Nợ dài hạn	330		92.896.841.259	87.167.019.248
Phải trả dài hạn khác	337	24(b)	53.247.542.136	53.247.542.136
Dự phòng phải trả dài hạn	342	26	39.649.299.123	33.919.477.112
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		21.476.052.082.341	21.593.626.852.752
Vốn chủ sở hữu	410	27	21.476.052.082.341	21.593.626.852.752
Vốn cổ phần	411	28	12.825.623.720.000	12.825.623.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.825.623.720.000	12.825.623.720.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	29	760.819.802.040	760.819.802.040
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.889.608.560.301	8.007.183.330.712
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.439.102.591.735	3.775.246.732.311
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		2.450.505.968.566	4.231.936.598.401
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		30.020.285.144.389	29.528.797.418.758

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

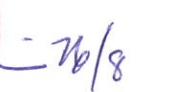
Người lập:


 Nguyễn Văn Hòa
 Kế toán

Trần Nguyên Trung
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Koo Liang Kwee
 Phó Tổng Giám đốc

 
 Tan Teck Chuan Lester
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	19.268.598.866.100	17.890.603.810.188
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	33	16.462.313.587.394	15.206.549.961.232
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		2.806.285.278.706	2.684.053.848.956
Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	1.747.601.953.719	1.532.947.974.773
Chi phí tài chính	22	35	11.790.002.303	38.337.066.382
Chi phí bán hàng	25	36	1.524.308.809.475	1.756.755.952.189
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	212.573.036.197	186.437.769.366
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		2.805.215.384.450	2.235.471.035.792
Thu nhập khác	31		3.958.967.371	559.246.176
Chi phí khác	32		4.748.347.467	12.185.303.494
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(789.380.096)	(11.626.057.318)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.804.426.004.354	2.223.844.978.474
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	39	270.396.629.147	219.070.366.847
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	39	50.097.422.248	64.000.688.004
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.483.931.952.959	1.940.773.923.623

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:

Người duyệt:


 Nguyễn Văn Hòa
 Kế toán


 Trần Nguyên Trung
 Kế toán trưởng


 Koo Liang Kwee
 Phó Tổng Giám đốc


 Tan Teck Chuan Lester
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	2.804.426.004.354	2.223.844.978.474
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	56.459.317.005	61.594.619.032
Các khoản dự phòng	03	11.917.461.049	34.262.469.756
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	649.666.852	426.797.615
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.742.941.261.836)	(1.504.827.384.682)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.130.511.187.424	815.301.480.195
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	128.263.240.833	(67.413.505.969)
Biến động hàng tồn kho	10	58.800.360.713	(253.890.010.138)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	14.054.514.511	(166.460.122.325)
Biến động chi phí trả trước	12	8.962.492.501	(46.325.851.569)
		1.340.591.795.982	281.211.990.194
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(317.715.879.063)	(182.736.208.678)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(42.056.872.621)	(61.967.486.866)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	980.819.044.298	36.508.294.650

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024	30/6/2023
Mã số	Thuyết minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
	Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(42.085.672.804) (32.665.532.020)
	Tiền chi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay	23	(6.440.000.000.000) (7.971.000.000.000)
	Tiền thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	7.165.000.000.000 8.768.000.000.000
	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con	25	- (161.869.399.300)
	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và phân phối lợi nhuận	27	1.445.852.496.116 1.249.186.368.769
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.128.766.823.312	1.851.651.437.449

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
	Tiền chi trả cổ tức	36	(1.923.663.966.575) (2.244.322.793.000)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40	(1.923.663.966.575)	(2.244.322.793.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	1.185.921.901.035	(356.163.060.901)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	3.197.402.607.546	2.924.304.281.432
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(400.306.385)	(134.873.206)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	4.382.924.202.196	2.568.006.347.325

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:

Người duyệt:



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng



Koo Liang Kwee
Phó Tổng Giám đốc



Tan Teck Chuan Lester
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003 trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và chuyển các đơn vị bao gồm Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước Giải Khát Chương Dương và Công ty Thủy tinh Phú Thọ thành các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4106000286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2006.

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4103010027 vào ngày 17 tháng 4 năm 2008. Tại ngày này, Tổng Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “SAB” theo Quyết định Niêm yết số 470/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 11 năm 2016.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm vật liệu và bao bì.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Cấu trúc của Tổng Công ty bao gồm Văn phòng Tổng Công ty, Nhà máy bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh và Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi, là hai nhà máy hoạt động và hạch toán độc lập, chi tiết như sau:

Tên đơn vị	Hoạt động chính	Địa chỉ
Nhà máy bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Số 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Khu C1, Đường D3, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tổng Công ty có 25 công ty con sở hữu trực tiếp và 13 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát đầu tư trực tiếp (1/1/2024: 25 công ty con sở hữu trực tiếp và 13 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát đầu tư trực tiếp), như được trình bày ở Thuyết minh 9(b).



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Ngoài ra, Tổng Công ty đầu tư gián tiếp vào 1 công ty con và 5 công ty liên kết (1/1/2024: 1 công ty con và 5 công ty liên kết), chi tiết như sau:

				30/6/2024		1/1/2024	
				% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính				
I	Công ty con sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây						
1	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	Lô S, Khu Công Nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng và nước tinh khiết đóng chai	70,55%	100%	70,55%	100%
II	Các công ty liên kết						
1	Công ty Cổ phần Tư vấn và Chuyển giao Công nghệ Thành Nam	50A Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư vấn xây dựng và thiết kế	28,57%	28,57%	28,57%	28,57%
2	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp	3E/5, Đường Phở Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, lắp đặt các sản phẩm máy móc cầu đường và xây dựng công nghiệp	26,00%	26,00%	26,00%	26,00%
3	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Lô B5, Khu Công Nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	14,11%	20,00%	14,11%	20,00%
4	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	Số 8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, gia công và kinh doanh thực phẩm, nước giải khát, bia và nước uống có cồn	21,80%	22,18%	21,80%	22,18%
5	Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	Lô 22, KCN Trà Nóc 1, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát, sữa đậu nành và nước ép trái cây	29,47%	34,92%	29,47%	34,92%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tổng Công ty có 710 nhân viên (1/1/2024: 738 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|----------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 5 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 12 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 3 – 8 năm |
| ▪ thiết bị quản lý | 3 – 6 năm |



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất là từ 40 đến 49 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ quyền sử dụng đất	43 năm
▪ nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Doanh thu cho thuê*

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Tính thời vụ của hoạt động

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Bán bia, bao gồm hàng hóa và thành phẩm;
- Bán nguyên vật liệu; và
- Các hoạt động kinh doanh khác.

Ban Điều hành Tổng Công ty đánh giá rằng các lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Tổng Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

7. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Bộ phận kinh doanh của Tổng Công ty được chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bán bia, bao gồm hàng hóa và thành phẩm;
- Bán nguyên vật liệu; và
- Các hoạt động kinh doanh khác.

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và tài sản và nợ phải trả của Tổng Công ty tại ngày báo cáo chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất và kinh doanh bia. Theo đó, thông tin tài chính được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh bia của Tổng Công ty. Thuyết minh 32 và Thuyết minh 33 trình bày chi tiết doanh thu và giá vốn của từng loại sản phẩm, vì vậy đã cung cấp đầy đủ thông tin về kết quả hoạt động của mỗi bộ phận kinh doanh như được phân loại ở trên.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tổng Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu bán hàng xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Tổng Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng	430.924.202.196	329.804.607.546
Các khoản tương đương tiền	3.952.000.000.000	2.867.598.000.000
	4.382.924.202.196	3.197.402.607.546

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 3,50% đến 4,40% một năm (1/1/2024: từ 2,50% đến 4,00% một năm).

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 3,00% đến 7,60% một năm (1/1/2024: từ 4,50% đến 9,20% một năm).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	30/6/2024			1/1/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào các công ty con (i)	3.039.072.394.329	(230.936.618.605)	2.808.135.775.724	3.039.072.394.329	(223.793.333.929)	2.815.279.060.400
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (ii)	613.705.350.635	(104.475.392.200)	509.229.958.435	613.705.350.635	(100.225.000.000)	513.480.350.635
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (iii)	569.372.362.407	(326.385.865.844)	242.986.496.563	569.372.362.407	(333.557.175.927)	235.815.186.480
	4.222.150.107.371	(661.797.876.649)	3.560.352.230.722	4.222.150.107.371	(657.575.509.856)	3.564.574.597.515

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty	30/6/2024				1/1/2024			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	70,55%	262.244.332.509	492.296.489.000	-	70,55%	262.244.332.509	527.159.477.000	-
▪ Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	62,06%	236.167.400.000	66.200.193.000	(169.967.207.000)	62,06%	236.167.400.000	78.922.500.000	(157.244.900.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	66,56%	299.548.230.160	596.993.350.000	-	66,56%	299.548.230.160	595.795.350.000	-
▪ Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	91,75%	208.414.271.535	(*)	-	91,75%	208.414.271.535	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	51,24%	17.650.697.182	27.680.733.450	-	51,24%	17.650.697.182	34.041.046.350	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	54,73%	76.324.868.844	37.550.898.000	(38.773.970.844)	54,73%	76.324.868.844	43.315.139.000	(33.009.729.844)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	68,78%	314.250.000.000	311.449.850.000	(2.800.150.000)	68,78%	314.250.000.000	294.427.350.000	(19.822.650.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	52,11%	93.800.000.000	193.715.760.000	-	52,11%	93.800.000.000	184.157.540.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	100%	700.000.000.000	(*)	-	100%	700.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	90,00%	37.422.345.046	(*)	-	90,00%	37.422.345.046	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	95,07%	37.369.732.632	(*)	-	95,07%	37.369.732.632	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	94,45%	83.141.000.000	(*)	-	94,45%	83.141.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	91,24%	54.546.288.176	(*)	(19.395.290.761)	91,24%	54.546.288.176	(*)	(13.716.054.085)



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Tên công ty	30/6/2024				1/1/2024			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	90,00%	36.541.448.653	(*)	-	90,00%	36.541.448.653	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	90,14%	55.799.775.209	(*)	-	90,14%	55.799.775.209	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	90,68%	36.362.195.948	(*)	-	90,68%	36.362.195.948	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	90,00%	36.265.364.767	(*)	-	90,00%	36.265.364.767	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	90,00%	36.798.955.472	(*)	-	90,00%	36.798.955.472	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	100%	59.365.663.690	(*)	-	100%	59.365.663.690	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	90,45%	36.000.000.000	(*)	-	90,45%	36.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	100%	120.000.000.000	(*)	-	100%	120.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	76,81%	55.174.824.506	(*)	-	76,81%	55.174.824.506	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn	100%	60.000.000	(*)	-	100%	60.000.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn	100%	40.000.000.000	(*)	-	100%	40.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	52,91%	105.825.000.000	(*)	-	52,91%	105.825.000.000	(*)	-
		<u>3.039.072.394.329</u>		<u>(230.936.618.605)</u>		<u>3.039.072.394.329</u>		<u>(223.793.333.929)</u>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của các khoản đầu tư vào công ty con trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	3.039.072.394.329	2.877.202.995.029
Tăng trong kỳ	-	161.869.399.300
Số dư cuối kỳ	3.039.072.394.329	3.039.072.394.329

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Tên công ty	30/6/2024				1/1/2024			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào các công ty liên kết								
▪ Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Trường Sa	28,35%	4.725.000.000	(*)	(4.725.000.000)	28,35%	4.725.000.000	(*)	(4.725.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	27,03%	33.787.500.000	38.085.270.000	-	27,03%	33.787.500.000	37.017.585.000	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	32,22%	103.174.711.495	373.153.684.400	-	32,22%	103.174.711.495	355.842.431.000	-
▪ Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	29,00%	72.500.000.000	(*)	(72.500.000.000)	29,00%	72.500.000.000	(*)	(72.500.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	20,00%	30.000.000.000	(*)	-	20,00%	30.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	20,00%	23.000.000.000	(*)	(23.000.000.000)	20,00%	23.000.000.000	(*)	(23.000.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	26,00%	26.000.000.000	(*)	-	26,00%	26.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	20,00%	20.000.000.000	(*)	-	20,00%	20.000.000.000	(*)	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào các công ty liên liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (tiếp theo)

Tên công ty	30/6/2024				1/1/2024			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát								
▪ Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	25,00%	43.111.007.200	(*)	-	25,00%	43.111.007.200	(*)	-
▪ Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	30,00%	113.224.326.586	(*)	-	30,00%	113.224.326.586	(*)	-
▪ Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	30,00%	86.338.395.824	(*)	-	30,00%	86.338.395.824	(*)	-
▪ Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	35,00%	26.212.239.000	(*)	-	35,00%	26.212.239.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	45,00%	31.632.170.530	(*)	(4.250.392.200)	45,00%	31.632.170.530	(*)	-
		<u>613.705.350.635</u>		<u>(104.475.392.200)</u>		<u>613.705.350.635</u>		<u>(100.225.000.000)</u>



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Tên công ty	30/6/2024			1/1/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	46.000.000.000	(*)	(3.152.549.322)	46.000.000.000	(*)	(4.643.345.605)
▪ Công ty Cổ phần PVI	51.475.140.000	27.431.541.000	(24.043.599.000)	51.475.140.000	21.751.027.200	(29.724.112.800)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Không Gian Ngầm	23.085.000.000	(*)	(23.085.000.000)	23.085.000.000	(*)	(23.085.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	30.700.950.000	7.943.880.000	(30.700.950.000)	30.700.950.000	8.068.830.000	(30.700.950.000)
▪ Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)
▪ Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	26.588.267.394	(*)	-	26.588.267.394	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	126.429.237.491	209.562.506.300	-	126.429.237.491	248.453.950.100	-
▪ Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	19.690.000.000	(*)	-	19.690.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)
▪ Công ty TNHH Đầu tư Sabeco HP	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Đồng Nai	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)
	<u>569.372.362.407</u>		<u>(326.385.865.844)</u>	<u>569.372.362.407</u>		<u>(333.557.175.927)</u>

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 được xác định bằng cách tham khảo giá niêm yết cổ phiếu.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	657.575.509.856	596.853.422.366
Dự phòng trích lập trong kỳ	28.416.176.876	37.542.350.000
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(24.193.810.083)	(3.583.933.800)
Số dư cuối kỳ	661.797.876.649	630.811.838.566

10. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	1.184.677.839.483	1.323.840.935.434
Các khách hàng khác	407.377.353.428	348.712.270.494
	1.592.055.192.911	1.672.553.205.928

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
<i>Các công ty con</i>		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	1.184.677.839.483	1.323.840.935.434
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	39.926.304.752	36.161.791.739
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	34.998.593.055	5.111.323.284
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	18.340.244.387	5.717.770.157
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	12.494.233.308	26.868.548.758
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	11.247.537.732	8.565.850.500
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	10.814.875.769	2.224.637.769
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	10.715.252.776	13.049.664.408
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	5.178.282.604	1.237.020.209
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	1.564.327.380	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	1.055.630.112	1.367.604
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	739.164.986	3.704.620.365
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	615.061.736	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	279.959.435	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	213.252.052	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	191.547.205	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	169.815.402	-
Công ty TNHH Một Thành viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn	1.483.920	-
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	-	46.913.580
<i>Các công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	67.531.270.954	53.520.925.283
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	56.276.683.058	61.408.565.384
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	46.511.448.006	55.929.157.290
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	12.529.016.059	18.336.420.033
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	9.136.473.599	1.122.677.027
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	8.725.688.962	15.757.046.696
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	8.002.651.751	4.121.659.864
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	7.414.234.100	14.760.400.794
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	655.558.329	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu về cho vay

	Năm đáo hạn	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
<i>Công ty con</i>			
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	2024	437.475.682.192	437.475.682.192

Khoản cho một công ty con vay không được đảm bảo và hưởng lãi suất từ 5,0% đến 5,8% một năm (1/1/2024: 5,0% đến 5,8% một năm). Tiền lãi của các khoản cho vay này được nhận vào ngày đáo hạn hoặc ngày trả nợ trước hạn (nếu có) của các hợp đồng cho vay tương ứng, tùy theo thời điểm nào đến trước.

12. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu về cổ tức	652.220.390.898	295.089.544.431
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay	505.923.633.507	561.675.819.817
Phải thu do chênh lệch giữa giá trị của các khoản đầu tư và phần vốn góp trong công ty liên kết (Thuyết minh 13)	277.230.733.543	277.230.733.543
Phải thu khác	13.796.463.671	23.389.150.609
	1.449.171.221.619	1.157.385.248.400



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
<i>Công ty mẹ cấp trung gian</i>		
BeerCo Limited	-	49.197.000
<i>Các công ty con</i>		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	84.035.734.923	83.899.348.477
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	21.665.000.000	334.060.169
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	15.736.269.129	3.680.497.324
Công ty TNHH Một Thành viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn	10.145.918.099	76.430.448.702
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	9.380.000.000	9.654.224.262
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	6.270.379.545	3.598.810.351
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	4.921.246.172	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	2.873.500.000	234.267.991
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	2.554.371.489	1.141.524.390
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	-	631.706.174
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	-	614.266.974
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	-	312.960.056
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	-	196.942.081
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	-	118.528.934
<i>Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i>		
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	444.730.757.692	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	277.230.733.543	277.230.733.543
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	64.200.000.000	64.200.000.000
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	-	43.802.647.026
Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	-	6.971.692.050
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	-	2.021.512.801
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	-	1.628.963.161
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	-	634.992.585
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	-	412.007.664
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	-	380.140.249
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	-	223.638.844
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	-	172.648.858
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	-	168.938.232
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	-	166.210.711

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh, một công ty con	328.073.502.218	328.073.502.218
Ký quỹ, ký cược dài hạn	12.947.563.341	13.077.583.341
	341.021.065.559	341.151.085.559

13. Dự phòng phải thu khó đòi

	Giá gốc VND	30/6/2024 Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 12 (a))	277.230.733.543	(277.230.733.543)	-
	277.230.733.543	(277.230.733.543)	-

	Giá gốc VND	1/1/2024 Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 12 (a))	277.230.733.543	(277.230.733.543)	-
	277.230.733.543	(277.230.733.543)	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	30/6/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	89.816.009.250	-	198.977.568.976	-
Nguyên vật liệu	754.040.476.088	(552.750.087)	700.169.207.152	(784.667.164)
Công cụ và dụng cụ	35.564.894.697	(20.321.209.728)	29.613.406.491	(21.366.700.949)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	70.859.960.815	-	77.207.754.397	-
Thành phẩm	23.455.301.823	-	19.274.649.640	-
Hàng hóa	5.205.757.677	-	13.082.772.699	-
	978.942.400.350	(20.873.959.815)	1.038.325.359.355	(22.151.368.113)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có 20.874 triệu VND (1/1/2024: 22.151 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời, hoặc chậm luân chuyển.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	22.151.368.113	24.858.993.812
Dự phòng trích lập trong kỳ	164.288.091	1.840.339.374
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(316.696.389)	(2.774.920.296)
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(1.125.000.000)	(1.275.319.148)
Số dư cuối kỳ	20.873.959.815	22.649.093.742

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/6/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	54.649.351.735	(34.112.973.410)	55.191.753.443	(33.722.170.511)

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	33.722.170.511	33.177.394.330
Dự phòng trích lập trong kỳ	1.486.083.290	4.154.276.437
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(1.095.280.391)	(2.915.641.959)
Số dư cuối kỳ	34.112.973.410	34.416.028.808

15. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Chi phí bảng hiệu quảng cáo	114.690.368.818	120.492.693.399
Chi phí khác	6.893.363.052	5.333.578.857
	121.583.731.870	125.826.272.256

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Quyền sử dụng đất chờ bàn giao (*) VND	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ và các chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	51.602.316.000	1.591.481.813	12.496.103.943	65.689.901.756
Tăng trong kỳ	-	-	31.200.000	31.200.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	8.612.106.366	8.612.106.366
Phân bổ trong kỳ	-	(564.009.436)	(4.187.142.679)	(4.751.152.115)
Số dư cuối kỳ	51.602.316.000	1.027.472.377	16.952.267.630	69.582.056.007

(*) Giá trị quyền sử dụng đất chờ bàn giao phản ánh tiền thuế đất phải trả cho Nhà nước (Thuyết minh 24(b)).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	527.774.586.582	2.918.292.957.837	54.949.941.105	126.006.563.124	3.627.024.048.648
Tăng trong kỳ	-	-	-	350.000.000	350.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	7.306.583.004	-	4.755.148.074	12.061.731.078
Số dư cuối kỳ	527.774.586.582	2.925.599.540.841	54.949.941.105	131.111.711.198	3.639.435.779.726
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	452.020.476.764	2.712.965.849.620	53.667.512.913	113.709.108.827	3.332.362.948.124
Khấu hao trong kỳ	4.240.428.054	34.210.353.932	219.623.769	3.594.959.799	42.265.365.554
Số dư cuối kỳ	456.260.904.818	2.747.176.203.552	53.887.136.682	117.304.068.626	3.374.628.313.678
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	75.754.109.818	205.327.108.217	1.282.428.192	12.297.454.297	294.661.100.524
Số dư cuối kỳ	71.513.681.764	178.423.337.289	1.062.804.423	13.807.642.572	264.807.466.048

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 2.601.936 triệu VND (1/1/2024: 2.589.099 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 100.614 triệu VND (1/1/2024: 97.973 triệu VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mà Công ty cho các công ty con, công ty liên kết thuê để hưởng thu nhập cho thuê tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 25.368 triệu VND (1/1/2024: 25.368 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	906.610.413.944	74.707.739.026	981.318.152.970
Tăng trong kỳ	-	118.626.000	118.626.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	37.779.121.191	37.779.121.191
Số dư cuối kỳ	906.610.413.944	112.605.486.217	1.019.215.900.161
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	69.861.308.175	66.754.305.399	136.615.613.574
Khấu hao trong kỳ	1.981.559.778	8.006.816.149	9.988.375.927
Số dư cuối kỳ	71.842.867.953	74.761.121.548	146.603.989.501
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	836.749.105.769	7.953.433.627	844.702.539.396
Số dư cuối kỳ	834.767.545.991	37.844.364.669	872.611.910.660

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản cố nguyên giá 64.022 triệu VND (1/1/2024: 63.902 triệu VND) đã được khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

- (*) Trong quyền sử dụng đất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các quyền sử dụng đất với giá trị là 735.380 triệu VND được Tổng Công ty ghi nhận theo giá tạm tính tăng thêm vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa của Tổng Công ty do Ban Quyết toán cổ phần hóa gồm các đại diện từ Bộ Công thương và Bộ Tài chính thực hiện tại ngày 30 tháng 4 năm 2008 lập vào ngày 6 tháng 3 năm 2010. Tổng Công ty đã ghi nhận tăng giá trị quyền sử dụng đất này vào tài khoản “Tài sản cố định vô hình”, đồng thời ghi tăng tương ứng một khoản phải trả Nhà nước trên tài khoản “Phải trả ngắn hạn khác” (Thuyết minh 24(a)).

Các khu đất này đã được Bộ Công thương giao cho Tổng Công ty quản lý và sử dụng theo quy hoạch của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để lập hợp đồng thuê đất. Hiện tại, Tổng Công ty đang sử dụng các khu đất này cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Các quyền sử dụng đất này chỉ có tính tạm thời, Tổng Công ty không được tự ý chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại, hay thế chấp các quyền sử dụng đất này.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Chi tiết giá trị quyền sử dụng đất theo giá trị tạm tính được xác định tại ngày 6 tháng 3 năm 2010 như sau:

STT	Địa chỉ	Diện tích m ²	Giá trị định giá khi xác định giá trị doanh nghiệp VND
1	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	17.406,1	418.634.111.100
2	474 Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	7.729,0	247.637.160.000
3	46 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.872,5	55.241.212.500
4	18/3B Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	2.216,3	13.867.389.100
			735.379.872.700

Tổng Công ty chưa trích khấu hao giá trị của các quyền sử dụng đất này do thời gian sử dụng chưa được xác định một cách đáng tin cậy tại ngày lập báo cáo tài chính. Trong kỳ, Tổng Công ty cũng đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng chi phí thuê đất và thuế đất với số tiền là 22.143 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023: 17.704 triệu VND) theo thông báo nộp thuế sử dụng đất của các chi cục thuế địa phương.

18. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	22.749.382.633	89.615.217.828	112.364.600.461
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	9.741.053.414	54.542.749.109	64.283.802.523
Khấu hao trong kỳ	263.682.342	3.941.893.182	4.205.575.524
Số dư cuối kỳ	10.004.735.756	58.484.642.291	68.489.378.047
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	13.008.329.219	35.072.468.719	48.080.797.938
Số dư cuối kỳ	12.744.646.877	31.130.575.537	43.875.222.414

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì Tổng Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	96.307.399.286	37.111.124.352
Tăng trong kỳ	41.548.488.955	16.197.485.179
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(12.061.731.078)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(37.779.121.191)	(3.321.279.862)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(8.612.106.366)	-
Số dư cuối kỳ	79.402.929.606	49.987.329.669

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Dự án san lấp mặt bằng Nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi	43.296.363.636	43.296.363.636
Hệ thống điều hòa không khí phân tầng Nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi	17.207.500.000	7.500.000
Dự án Sabeco 4.0	777.571.704	37.720.470.291
Các công trình khác	18.121.494.266	15.283.065.359
	79.402.929.606	96.307.399.286

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/6/2024	1/1/2024
		VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên:			
▪ Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	20%	57.537.441.526	57.185.188.625
▪ Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	20%	18.232.159.932	68.504.514.000
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	20%	10.997.386.644	11.174.707.725
		86.766.988.102	136.864.410.350

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	321.066.736.903	334.452.974.387
Các nhà cung cấp khác	3.236.214.823.053	3.973.494.355.509
	3.557.281.559.956	4.307.947.329.896

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
<i>Các công ty con</i>		
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	235.125.383.891	242.752.313.421
Công ty TNHH Một Thành viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn	176.700.391.937	185.963.738.936
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	111.328.716.024	201.408.227.798
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	111.049.343.407	115.432.247.629
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	109.813.135.080	75.668.838.210
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	90.368.238.406	162.406.645.643
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	90.274.422.749	204.862.638.545
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	77.282.484.587	131.885.422.776
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	72.817.834.554	129.342.548.075
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	58.048.164.901	60.566.782.793
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	57.641.681.741	214.600.357.103
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	55.957.090.573	185.595.061.536
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	51.315.516.175	38.028.310.220
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	50.524.331.220	35.167.612.347
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	47.246.017.053	138.853.384.485
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	46.335.773.880	30.860.506.280
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	32.241.224.730	30.154.831.787
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	29.233.868.760	25.676.533.419
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	22.574.052.600	8.706.522.400
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	17.672.881.252	4.052.627.385
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	7.311.274.653	2.493.315.131
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	7.098.031.930	12.933.508.940
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	4.464.915.089	8.753.746.610
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	1.073.946.945	1.047.621.104

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan (tiếp theo)

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
<i>Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i>		
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	321.066.736.903	334.452.974.387
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	24.134.381.700	16.318.251.791
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	22.059.715.370	42.265.734.352
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	20.962.168.920	9.769.995.674
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	20.034.055.668	20.045.838.314
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	17.679.481.491	22.880.091.999
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	17.671.867.400	11.047.322.230
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	12.616.674.840	14.463.299.133
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	12.582.049.260	23.311.388.430
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	9.217.150.800	13.331.321.348
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	8.039.812.000	7.531.158.800
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam	191.229.798.628	193.898.011.154
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	-	57.743.746

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***22. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước****(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2024 VND	Phát sinh VND	Đã nộp VND	Cần trừ VND	30/6/2024 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	226.786.750.653	1.253.329.914.935	(1.262.602.422.539)	-	217.514.243.049
Thuế thu nhập doanh nghiệp	189.026.186.580	270.396.629.147	(317.715.879.063)	-	141.706.936.664
Thuế giá trị gia tăng	-	2.402.656.791.849	(298.336.906.827)	(2.000.836.118.848)	103.483.766.174
Thuế thu nhập cá nhân	7.787.039.811	34.393.092.474	(34.594.541.626)	-	7.585.590.659
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.048.225.106	(2.048.225.106)	-	-
Thuế đất và tiền thuê đất	1.581.049.806	32.157.531.057	(28.284.578.435)	(3.872.952.622)	1.581.049.806
Thuế tài nguyên	2.115.680	13.928.880	(14.196.000)	-	1.848.560
Các loại thuế khác	1.554.704.916	24.011.374.112	(24.389.882.813)	-	1.176.196.215
	426.737.847.446	4.019.007.487.560	(1.967.986.632.409)	(2.004.709.071.470)	473.049.631.127

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2024 VND	Cần trừ VND	30/6/2024 VND
Tiền thuê đất	12.190.359.560	(3.872.952.622)	8.317.406.938

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Chi phí phải trả

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	967.555.235.215	258.495.561.116
Chi phí khác	33.890.940.076	19.698.612.082
	1.001.446.175.291	278.194.173.198

24. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Cổ tức phải trả	2.573.658.700.475	1.932.197.923.050
Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (*)	735.379.872.700	735.379.872.700
Phải trả khác	38.047.015.194	47.297.887.458
	3.347.085.588.369	2.714.875.683.208

(*) Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được ghi nhận theo Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa do Ban Quyết toán cổ phần hóa, các đại diện của Bộ Công thương và Bộ Tài chính, lập ngày 6 tháng 3 năm 2010 (Thuyết minh 17).



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Thai Beverage Public Company Limited	1.521.577.717	1.267.545.263
Công ty mẹ cấp trung gian		
BeerCo Limited	6.813.348.328	12.133.885.468
Công ty mẹ		
Công ty TNHH Vietnam Beverage	1.374.570.348.000	1.030.927.761.000
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	4.741.181.625	4.741.181.625
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	2.929.818.601	2.548.633.504
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	1.522.160.540	1.522.160.540
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	739.328.874	739.328.874
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	437.717.745	437.717.745
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	195.775.466	195.775.466
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	106.561.973	106.561.973
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	82.229.450	82.229.450
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	52.063.478	52.063.478
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	12.932.851	12.932.851
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	-	11.999.105
Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	287.780.949	287.780.949
Bên liên quan khác		
Chang International Co., Ltd.	1.265.155.474	800.960.616

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền thuế đất phải trả cho Nhà nước (Thuyết minh 15(b))	51.602.316.000	51.602.316.000
Nhận ký quỹ dài hạn	1.645.226.136	1.645.226.136
	53.247.542.136	53.247.542.136

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Tổng Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	53.355.097.034	78.333.325.252
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 27)	19.037.500.000	18.687.000.000
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 27)	2.955.994.977	(508.189.026)
Sử dụng trong kỳ	(40.329.994.977)	(59.974.578.812)
Số dư cuối kỳ	35.018.597.034	36.537.557.414

26. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	33.919.477.112	34.057.421.027
Dự phòng trích lập trong kỳ	7.456.699.655	-
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(1.726.877.644)	(1.992.908.054)
Số dư cuối kỳ	39.649.299.123	32.064.512.973

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	6.412.811.860.000	760.819.802.040	13.073.315.740.285	20.246.947.402.325
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	1.940.773.923.623	1.940.773.923.623
Cổ tức (Thuyết minh 30)	-	-	(961.921.779.000)	(961.921.779.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25)	-	-	(18.687.000.000)	(18.687.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25)	-	-	508.189.026	508.189.026
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(9.150.000.000)	(9.150.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	6.412.811.860.000	760.819.802.040	14.024.839.073.934	21.198.470.735.974
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	2.346.836.674.778	2.346.836.674.778
Cổ phiếu thưởng	6.412.811.860.000	-	(6.412.811.860.000)	-
Cổ tức	-	-	(1.923.843.558.000)	(1.923.843.558.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(18.687.000.000)	(18.687.000.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(9.150.000.000)	(9.150.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	12.825.623.720.000	760.819.802.040	8.007.183.330.712	21.593.626.852.752
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	2.483.931.952.959	2.483.931.952.959
Cổ tức (Thuyết minh 30)	-	-	(2.565.124.744.000)	(2.565.124.744.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25)	-	-	(19.037.500.000)	(19.037.500.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25)	-	-	(2.955.994.977)	(2.955.994.977)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(14.388.484.393)	(14.388.484.393)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	12.825.623.720.000	760.819.802.040	7.889.608.560.301	21.476.052.082.341

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2024 và 1/1/2024	
	Number of shares	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.282.562.372	12.825.623.720.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.282.562.372	12.825.623.720.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2023.

29. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Không có biến động Quỹ đầu tư phát triển trong kỳ.

30. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty vào ngày 25 tháng 4 năm 2024 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước là 2.565.125 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023: 961.922 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước).



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Trong vòng một năm	52.723.696.224	51.276.782.654
Từ hai đến năm năm	27.495.083.617	48.281.122.405
Sau năm năm	44.027.972.051	45.174.336.989
	124.246.751.892	144.732.242.048

(b) Tài sản, nguyên vật liệu và hàng hóa nhận giữ hộ các bên thứ ba

	Đơn vị	30/6/2024	1/1/2024
Dụng cụ và phụ tùng	hộp/kết	647	81

(c) Ngoại tệ các loại

	30/6/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	587.834	14.833.988.467	314.255	7.571.346.197
EUR	2.717	72.746.485	3.401	89.958.414
AUD	828	13.822.727	828	13.576.957
		14.920.557.679		7.674.881.568

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	26.232.226.347	40.661.420.073

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Tổng doanh thu bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa	13.139.409.301.328	12.302.073.703.959
▪ Bán nguyên vật liệu	4.254.164.821.189	3.549.635.680.533
▪ Bán thành phẩm	1.829.936.652.837	2.004.703.500.324
▪ Doanh thu khác	45.088.090.746	34.190.925.372
	19.268.598.866.100	17.890.603.810.188

33. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	11.019.270.553.290	10.418.470.272.591
Giá vốn nguyên vật liệu đã bán	4.252.543.573.887	3.560.363.377.141
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.174.834.992.654	1.221.227.664.829
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	238.394.601	304.053.556
Giá vốn khác	15.426.072.962	6.184.593.115
	16.462.313.587.394	15.206.549.961.232

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia	1.234.243.816.029	869.205.102.503
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng và cho vay	508.697.445.807	635.622.282.179
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	4.660.691.883	28.120.590.091
	1.747.601.953.719	1.532.947.974.773

35. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	6.917.968.658	3.951.852.567
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	4.222.366.793	33.958.416.200
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	649.666.852	426.797.615
	11.790.002.303	38.337.066.382

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	1.496.985.602.947	1.712.538.381.543
Chi phí nhân viên	16.653.079.397	29.858.839.608
Chi phí khác	10.670.127.131	14.358.731.038
	1.524.308.809.475	1.756.755.952.189

37. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	104.988.612.457	103.985.180.599
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.461.950.360	32.762.472.287
Chi phí thuê	26.947.505.775	27.130.593.355
Chi phí khấu hao và phân bổ	7.390.999.332	6.753.100.477
Chi phí khác	20.783.968.273	15.806.422.648
	212.573.036.197	186.437.769.366

38. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.658.222.009.813	1.852.520.930.839
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.008.033.087.268	1.053.071.136.474
Chi phí nhân công và nhân viên	174.218.801.805	178.036.515.730
Chi phí khấu hao và phân bổ	56.459.317.005	61.594.619.032
Chi phí khác	23.126.025.197	27.069.816.842

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

39. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	270.002.642.182	217.470.662.732
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	393.986.965	1.599.704.115
	270.396.629.147	219.070.366.847
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	50.097.422.248	64.000.688.004
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	320.494.051.395	283.071.054.851

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.804.426.004.354	2.223.844.978.474
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	560.885.200.871	444.768.995.695
Thu nhập không bị tính thuế	(246.848.763.206)	(173.841.020.501)
Chi phí không được khấu trừ thuế	10.823.860.364	16.091.704.161
Thay đổi trong thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	(4.760.233.599)	(5.548.328.619)
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	393.986.965	1.599.704.115
	320.494.051.395	283.071.054.851

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập Doanh nghiệp, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Thai Beverage Public Company Limited		
Chi hộ cho Tổng Công ty	254.032.454	704.818.946
Công ty mẹ cấp trung gian		
BeerCo Limited		
Chi hộ cho Tổng Công ty	9.605.478.447	9.612.774.832
Các giao dịch khác	-	53.944.000
Công ty mẹ		
Công ty TNHH Vietnam Beverage		
Cổ tức đã trả	1.374.570.348.000	515.463.880.500
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Bán hàng hóa và thành phẩm		
(không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	14.858.358.061.785	14.223.681.923.202
Cung cấp dịch vụ	15.096.959.118	14.610.484.301
Mua hàng hóa	10.744.089.240	14.635.630.800
Mua dịch vụ	9.647.112.600	11.532.384.000
Chi phí sử dụng vỏ chai	15.106.868.319	7.057.378.476
Chi phí vận chuyển	753.904.677	800.709.381
Chi phí thuê pallet	758.251.840	240.160.209
Lợi nhuận được chia	463.173.929.251	474.507.433.813
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi		
Bán nguyên vật liệu	720.853.048.681	607.601.874.710
Mua hàng hóa	1.843.307.385.150	1.732.575.882.570
Mua nguyên vật liệu	27.758.347	-
Cổ tức đã nhận	44.925.000.000	44.925.000.000
Các giao dịch khác	-	64.631.967
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng		
Bán nguyên vật liệu	453.129.636.282	373.944.681.478
Mua hàng hóa	1.110.340.456.480	1.064.960.441.182
Cổ tức đã nhận	15.873.750.000	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam		
Bán nguyên vật liệu	331.916.570.552	234.642.636.661
Mua hàng hóa	829.138.668.130	706.836.008.533
Cổ tức đã nhận	21.665.000.000	9.285.000.000
Các giao dịch khác	-	74.478.021
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng		
Bán nguyên vật liệu	299.152.210.404	249.907.161.958
Mua hàng hóa	773.536.972.800	706.747.147.090
Các giao dịch khác	-	214.255.455
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Bán nguyên vật liệu	287.660.285.767	223.256.799.835
Cung cấp dịch vụ	777.057.894	777.057.894
Mua hàng hóa	700.816.397.470	589.611.107.270
Lợi nhuận được chia	23.832.023.776	20.466.409.118
Các giao dịch khác	-	124.382.187
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội		
Bán nguyên vật liệu	205.393.485.638	174.754.888.208
Mua hàng hóa	597.606.270.360	519.034.502.820
Cổ tức đã nhận	9.380.000.000	9.380.000.000
Các giao dịch khác	15.442.500	16.168.215
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân		
Bán nguyên vật liệu	99.626.740.217	89.824.003.029
Cung cấp dịch vụ	188.752.800	188.752.800
Mua hàng hóa	261.612.929.560	222.174.880.730
Cổ tức đã nhận	-	768.525.000
Các giao dịch khác	-	6.450.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh		
Bán nguyên vật liệu	73.964.436.060	39.237.362.901
Mua hàng hóa	225.107.725.310	147.186.370.676
Mua nguyên vật liệu	673.997.154	-
Cổ tức đã nhận	2.873.500.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây		
Bán nguyên vật liệu	40.117.270.099	39.703.271.090
Mua hàng hóa	182.159.565.010	187.055.430.700
Cổ tức đã nhận	30.689.250.000	10.229.750.000
Mua lại cổ phần từ các cổ đông khác	-	164.415.500.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2023
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn		
Mua vật liệu bao bì	107.461.555.850	114.617.063.400
Công ty TNHH Một Thành viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn		
Bán nguyên vật liệu	14.304.900	41.178.755
Mua hàng hóa	1.100.970.840	-
Hỗ trợ chi phí bán hàng	147.294.029.343	86.102.896.044
Chi phí vật phẩm quảng cáo	613.796.400	425.225.900
Lợi nhuận được chia	27.773.458.620	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm		
Cung cấp dịch vụ	959.663.736	-
Bán nguyên vật liệu	-	4.200.000
Mua hàng hóa	3.062.198.920	4.441.420.900
Hỗ trợ chi phí bán hàng	144.467.262.720	188.669.456.691
Chi phí vật phẩm quảng cáo	588.238.200	5.915.308.025
Cổ tức đã nhận	-	93.133.473.353
Các giao dịch khác	381.557.554	2.428.273.221
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông		
Cung cấp dịch vụ	1.399.474.842	-
Mua hàng hóa	16.302.180	171.433.860
Hỗ trợ chi phí bán hàng	104.878.666.570	102.315.750.896
Chi phí vật phẩm quảng cáo	2.080.333.260	8.248.754.245
Các giao dịch khác	811.764.520	357.778.346
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Cung cấp dịch vụ	1.527.051.462	-
Mua hàng hóa	-	189.674.920
Hỗ trợ chi phí bán hàng	102.058.840.452	142.162.658.549
Chi phí vật phẩm quảng cáo	1.885.919.760	15.598.170.225
Các giao dịch khác	3.113.895.840	134.422.080
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc		
Cung cấp dịch vụ	1.634.518.464	-
Bán nguyên vật liệu	14.572.500	34.704.600
Mua hàng hóa	867.262.520	781.378.490
Hỗ trợ chi phí bán hàng	80.527.839.786	95.024.837.901
Chi phí vật phẩm quảng cáo	855.287.100	3.820.762.715
Cổ tức đã nhận	64.149.165.046	94.432.386.255
Các giao dịch khác	61.268.270	102.314.690



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2023
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ		
Cung cấp dịch vụ	1.133.127.828	429.068.000
Mua hàng hóa	16.818.600	12.678.640
Hỗ trợ chi phí bán hàng	71.154.285.854	93.902.760.241
Chi phí vật phẩm quảng cáo	2.185.198.560	7.276.290.670
Các giao dịch khác	1.339.014.202	935.699.182
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên		
Cung cấp dịch vụ	1.422.115.800	-
Hỗ trợ chi phí bán hàng	70.565.723.559	80.743.969.212
Chi phí vật phẩm quảng cáo	1.656.548.280	3.919.859.900
Các giao dịch khác	1.236.188.328	52.719.140
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền		
Cung cấp dịch vụ	1.336.694.946	-
Bán nguyên vật liệu	-	5.586.191
Hỗ trợ chi phí bán hàng	68.243.595.976	156.032.819.937
Chi phí vật phẩm quảng cáo	1.826.629.920	7.032.894.935
Các giao dịch khác	1.379.826.395	15.320.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ		
Cung cấp dịch vụ	1.044.802.938	-
Bán nguyên vật liệu	-	64.110.513
Mua hàng hóa	3.470.000	12.225.760
Hỗ trợ chi phí bán hàng	66.047.139.085	63.671.600.484
Chi phí vật phẩm quảng cáo	1.690.437.276	3.261.138.925
Cổ tức đã nhận	43.897.077.497	59.339.679.444
Các giao dịch khác	2.041.776.306	417.404.544
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc		
Cung cấp dịch vụ	1.277.385.312	-
Mua hàng hóa	-	5.607.360
Hỗ trợ chi phí bán hàng	42.667.786.526	32.405.285.980
Chi phí vật phẩm quảng cáo	909.580.320	2.703.828.160
Cổ tức đã nhận	9.921.246.172	32.791.684.334
Các giao dịch khác	70.985.185	92.173.240
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung		
Cung cấp dịch vụ	1.163.193.012	-
Hỗ trợ chi phí bán hàng	37.933.575.261	54.026.756.775
Chi phí vật phẩm quảng cáo	1.157.417.100	6.074.529.445
Các giao dịch khác	606.452.871	63.263.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2023
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ bảo trì	18.561.469.500	20.601.963.300
Mua hàng hóa	4.722.781.909	9.085.570.944
Lợi nhuận được chia	2.868.713.475	536.248.186
Các giao dịch khác	77.242.176	62.951.708
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Cung cấp dịch vụ	10.000.002	-
Bán nguyên vật liệu	51.888.000	27.688.500
Mua dịch vụ	5.700.000.000	-
Mua hàng hóa	739.149.869	396.688.173
Cho vay	-	88.000.000.000
Lãi cho vay	12.055.771.805	5.841.753.426
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	517.120.000	677.598.000
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn		
Góp vốn	-	50.000.000
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Bán nguyên vật liệu	345.945.339.203	313.932.100.373
Mua hàng hóa	882.519.176.730	845.452.492.320
Cổ tức đã nhận	7.186.150.000	7.186.150.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre		
Bán nguyên vật liệu	208.674.874.122	166.941.889.878
Mua hàng hóa	503.584.829.790	467.348.023.000
Cổ tức đã nhận	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung		
Bán nguyên vật liệu	202.055.327.715	170.636.577.783
Mua hàng hóa	506.248.180.920	525.197.553.649
Mua vật liệu bao bì	504.000	-
Cổ tức đã nhận	14.426.044.500	9.617.363.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang		
Bán nguyên vật liệu	167.365.085.293	150.177.215.401
Mua hàng hóa	428.122.537.830	432.731.761.810

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2023
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long		
Bán nguyên vật liệu	161.786.300.702	161.985.649.711
Mua hàng hóa	450.814.218.720	434.089.602.300
Cổ tức đã nhận	1.500.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa		
Bán nguyên vật liệu	140.921.400.056	112.737.399.183
Mua hàng hóa	343.901.884.220	343.719.454.520
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô		
Bán nguyên vật liệu	109.909.220.141	101.289.841.619
Mua hàng hóa	286.215.287.690	302.363.879.400
Cổ tức đã nhận	-	1.440.750.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ		
Bán nguyên vật liệu	72.995.079.658	42.833.127.128
Mua hàng hóa	181.752.905.770	203.998.315.520
Mua vật liệu bao bì	38.118.000	-
Cổ tức đã nhận	3.378.750.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu		
Bán nguyên vật liệu	28.085.254.621	21.091.869.932
Mua hàng hóa	125.781.676.080	137.297.858.750
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn		
Mua vật liệu bao bì	760.715.251.699	1.021.878.803.564
Cổ tức đã nhận	444.730.757.692	-
Các giao dịch khác	1.968.999.082	3.209.834.287
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ		
Mua vật liệu bao bì	28.718.302.240	37.873.771.000
Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh		
Mua dịch vụ	2.912.067.004	2.464.240.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2023
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam		
Mua vật liệu bao bì	771.512.826.457	680.153.049.865
Các giao dịch khác	1.381.525.822	173.910.751
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)		
Mua hàng hóa	668.718.937	483.810.313
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	-	522.370.580
Chang International Co., Ltd.		
Chi hộ Tổng Công ty	464.194.858	420.705.674
Thipchalothorn Co., Ltd.		
Bán hàng hóa	151.689.376	165.386.812
Chi phí vật phẩm quảng cáo	204.771.024	-
Công ty TNHH S.A.S. CTAMAD		
Cung cấp dịch vụ	7.549.763	5.909.092
Chang Beer Co., Ltd.		
Chi hộ Tổng Công ty	-	1.082.366.141
Hội đồng Quản trị		
<i>Lương, thưởng và thù lao</i>		
Ông Koh Poh Tiong – Chủ tịch	-	-
Ông Pramoad Phornprapha – Thành viên	364.000.000	312.000.000
Ông Nguyễn Tiến Vỹ – Thành viên	532.000.000	312.000.000
Ông Michael Chye Hin Fah – Thành viên	560.000.000	312.000.000
Bà Trần Kim Nga – Thành viên	490.000.000	312.000.000
Ông Lê Thanh Tuấn – Thành viên	490.000.000	312.000.000
Bà Ngô Minh Châu – Thành viên	490.000.000	312.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	16.340.066.488	11.559.845.142
Ủy ban Kiểm toán		
Thù lao	570.000.000	612.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

41. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	18.255.335.038	1.680.450.057

42. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:


 Nguyễn Văn Hòa
 Kế toán


 Trần Nguyên Trung
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Koo Liang Kwee
 Phó Tổng Giám đốc


 Tan Teck Chuan Lester
 Tổng Giám đốc

